

Số 128/QĐ-SYT

Hung Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật khám, chữa bệnh bổ sung
của Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Sở Y tế Hưng Yên;

Căn cứ đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh bổ sung của Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ, kết quả thẩm định tại Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ của Đoàn thẩm định Sở Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh bổ sung của Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên gồm 122 kỹ thuật thuộc 13 chuyên ngành theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT (có danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Y tế và các văn bản hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Y tế, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Với nhận:

Như trên;
Giám đốc SYT (để báo cáo);
C. C. P. QĐ SYT;
BHXH tỉnh (để phối hợp);
BHXH Tiên Lữ (để phối hợp);
T. A. T. N. X. Y.



DANH MỤC
KỸ THUẬT BỔ SUNG TRONG KHÁM CHỮA BỆNH TRUNG TÂM Y TẾ TIỀN LŨ
(Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-SYT ngày 28 tháng 6 năm 2018)

TT	CHƯƠNG	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
				A	B	C	D
				122	120	7	0
	II		NỘI KHOA	2	2	2	0
			D. TIÊU HÓA				
1		256.	Nội soi trực tràng ống mềm	x	x	x	
2		306.	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	x	x	x	
			E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
	III		NHI KHOA	61	61	0	0
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			D. TIÊU HÓA				
3		162	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x		
			V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
			B. TAI - MŨI - HỌNG				
			X. RĂNG HÀM MẶT				
			A. RĂNG				
4		1730	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
5		1732	Phục hồi cơ răng bằng Compomer	x	x		
6		1738	Chụp sứ Cercon	x	x		
7		1739	Cầu sứ Cercon	x	x		
8		1777	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
9		1783	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	x	x		
10		1784	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn quang trùng hợp	x	x		
11		1785	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt trong	x	x		
12		1786	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt ngoài	x	x		
13		1787	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài tự buộc	x	x		
14		1788	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài trực tiếp mặt ngoài	x	x		
15		1800	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
16		1801	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x		
17		1802	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
18		1803	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân	x	x		
19		1806	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
20		1807	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
21		1809	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
22		1811	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
23		1812	Phẫu thuật cắt bỏ 1 chân răng để bảo tồn răng	x	x		
24		1813	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x		
25		1814	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
26		1815	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
27		1816	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
28		1817	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28

29	1819	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	X	X		
30	1820	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	X	X		
31	1821	Phẫu thuật tạo túi quanh răng	X	X		
32	1822	Phẫu thuật tạo hình nhu lợi	X	X		
33	1826	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	X	X		
34	1834	Điều trị áp xe quanh răng	X	X		
35	1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	X	X		
36	1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	X	X		
37	1842	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite	X	X		
38	1843	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng có sử dụng chốt chân răng bằng nhiều vật liệu khác nhau	X	X		
39	1844	Veneer Composite trực tiếp	X	X		
40	1845	Chụp tủy bằng MTA	X	X		
41	1847	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn	X	X		
42	1851	Điều trị tủy răng thủng sâu bằng MTA	X	X		
43	1852	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	X	X		
44	1853	Điều trị tủy lại	X	X		
45	1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	X	X		
46	1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay	X	X		
47	1860	Chụp Composite	X	X		
48	1861	Chụp thép	X	X		
49	1862	Chụp sứ kim loại thường	X	X		
50	1863	Chụp thép cần nhựa	X	X		
51	1864	Cầu nhựa	X	X		
52	1865	Cầu thép	X	X		
53	1867	Cầu sứ kim loại thường	X	X		
54	1868	Củi đúc kim loại thường	X	X		
55	1875	Chụp sứ Titanium	X	X		
56	1876	Chụp sứ toàn phần	X	X		
57	1877	Chụp sứ - Composite	X	X		
58	1882	Veneer Composite gián tiếp	X	X		
59	1883	Veneer sứ	X	X		
60	1884	Veneer sứ - Composite	X	X		
61	1887	Inlay Onlay Titanium	X	X		
62	1889	Inlay/Onlay sứ - Composite	X	X		
63	1895	Tháo chụp răng giả	X	X		
		XXIV. NỘI KHOA				
		K. DỊCH VỤ - MIỀN DỊCH LÂM SÀNG				
	V	DA LIỄU	0	0	0	0
		B. NGOẠI KHOA				
		2. Phẫu thuật				
	VII	NỘI TIẾT	3	3	0	0
		1. Kỹ thuật chung				
64	7	Cắt bán phần I thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	X	X		
65	8	Cắt I thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	X	X		

66	X	9	Cắt bán phần I thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
			NGOẠI KHOA	1	1	1	0
			16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
67	XI	934.	Rút đinh tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	
			BÔNG	1	1	1	0
			G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
68	XII	159	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	x	x	x	
			UNG BƯỚU	2	2	0	0
			C. HÀM - MẬT				
69	XIII	83.	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x		
70		91.	Cắt u mô, u bã đậu vùng hàm mật đường kính trên 5 cm	x	x		
			PHỤ SẢN	1	1	0	0
	XIV		B. PHỤ KHOA				
71		140.	Khoét chóp cổ tử cung	x	x		
			MẬT	0	0	0	0
	XV		TAI MŨI HỌNG	1	1	0	0
			D. ĐẦU CỘ				
72		284.	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	x	x		
	XVI		RĂNG HÀM MẬT	35	33	0	0
			A. RĂNG				
73		36.	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
74			Liên kết cổ định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
		38.					
		44.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
75							
		50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
76							
		52.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trám xoay cầm tay	x	x		
77							
		54.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trám xoay máy	x	x		
78							
79		59.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
80		60.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	x		
		62.	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	x			
81							
82		76.	Phục hồi thân răng bằng Inlay Onlay	x	x		
83		78.	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
84		79.	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
		111.		x	x		
85			Chụp sứ Cereon				
		119.		x	x		
86			Cầu sứ Cereon				
		120.		x	x		
87			Chốt cuối đúc kim loại				

88	121.	Cùi đúc Titanium	x	x		
89	123.	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
90	124.	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
91	125.	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
92	126.	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
93	135.	Màng hô mặt nhai	x	x		
94	159.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
95	161.	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
96	183.	Đuy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
97	194.	Màng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
98	195.	Màng nâng khớp cắn	x	x		
99	196.	Mài chỉnh khớp cắn	x			
100	215.	Cắt lợi di động để lâm hàm giả	x	x		
101	219.	Cấy chuyển răng	x	x		
102	220.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
		B. HÀM MẶT				
103	269.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
104	291.	Phẫu thuật điều trị da chấn thương vùng hàm mặt	x	x		
105	297.	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	x	x		
106	309.	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x		
107	332.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
108		NỘI SƠI	1	1	1	0
		D. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
109	80.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	
		HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	7	7	0	0
		C. TẾ BÀO HỌC				
		L. TẾ BÀO HỌC				
109	607	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm hồng cầu sắt (Nhuộm Perls)	x	x		

110		608	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Peroxydase (MPO- Myeloperoxydase)	x	x		
111		609	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Sudan đen	x	x		
112		610	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Periodic Acide Schiff (PAS)	x	x		
113		611	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase không đặc hiệu	x	x		
114		613	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Phosphatase acid	x	x		
115		614	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Phosphatase kiềm bạch cầu	x	x		
	XXI		VI SINH	1	1	0	0
	V		2. Ký sinh trùng trong máu				
116		290	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	x	x		
	XXV		PHẪU THUẬT THAM MỸ	6	6	2	0
	III		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
			6. Vùng hàm mặt cổ				
117		168.	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt	x	x		
118		169	Phẫu thuật khâu vết thương ống tuyến nước bọt	x	x		
			D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
119		337.	Nối gân gấp	x	x	x	
120		340.	Nối gân đuôi	x	x	x	
121		356.	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay	x	x		
122		360.	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xe đời	x	x		